

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HS-ST

Ngày: 29/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Ngọc Giáp và ông Cao Thanh Hải

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2022/HS-ST ngày 14/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo: **Đỗ Văn Đ**, sinh năm 1962 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 4, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Giới tính: Nam.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: cán bộ hưu trí; Chức vụ, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng.

Bố đẻ: Ông Đỗ Văn L (đã chết); Mẹ đẻ: bà Đỗ Thị T (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1964. Bị cáo có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1990). Tiền sự, tiền án, nhân thân: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 8, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ Anh Đỗ Ngọc T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ Anh Đỗ Như Q, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 7, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 3, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 3, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

+ Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu 8, xã S, huyện S, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ Anh Đỗ Chí T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 6, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

+ Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu 3, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu 3, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 9, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

- Những người làm chứng:

+ Anh Đỗ Quốc T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

+ Chị Trương Thị Thu H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/6/2012, UBND huyện T ban hành quyết định số 1503/QĐ-UBND về việc: Phê duyệt quy hoạch chia lô chi tiết khu dân cư nông thôn phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất cho nhân dân tự xây dựng nhà ở tại UBND xã S;

Ngày 25/6/2012, UBND huyện Thanh Ba ban hành thông báo số 54/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án giao đất cho nhân dân tự xây dựng nhà

ở theo Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 và giao cho UBND xã S thực hiện nhiệm vụ sau:

- Thông báo tới các chủ sử dụng đất về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án Giao đất cho nhân dân tự xây dựng nhà ở;

- Tổ chức lập phương án giải phóng mặt bằng: Kê khai, kiểm đếm đất đai, tài sản, vật kiến trúc và cây cối hoa màu trên đất của các chủ sử dụng đất nằm trong vùng dự án, trình UBND huyện phê duyệt theo quy định;

Ngày 25/6/2012, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1593/QĐ-UBND về việc thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất để giao đất cho nhân dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch tại Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 nêu trên.

Sau khi có chủ trương của UBND huyện T và căn cứ vào bản vẽ tư vấn giải thửa đo đơn vị tư vấn là Công ty TNHH một thành viên H – Địa chỉ: khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ xác định diện tích đất thuộc diện thu hồi phục vụ dự án là 26.414m² đất nông nghiệp của 127 hộ dân, ngày 11/9/2012 ông Đỗ Văn Đ đã vượt thẩm quyền, ký ban hành “Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án cấp quyền sử dụng đất số 30 của UBND xã S”. Sau đó ông Đ chỉ đạo ông Trương Văn T, sinh năm 1970, ở khu 2, xã S – Cán bộ địa chính xã S tiến hành kiểm kê, kiểm đếm diện tích, hoa màu và cây cối trên đất thuộc diện bồi thường giải phóng mặt bằng; chỉ đạo ông Đỗ Xuân H, sinh năm 1979 ở khu 9, xã S – Cán bộ tài chính UBND xã S xác định nghĩa vụ tài chính của các hộ dân được cấp đất và dự toán số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho 127 hộ dân thuộc diện tích thu hồi đất, sau đó ước tính số tiền thu của các hộ dân (năm 2013 gồm 67 hộ, năm 2014 gồm 07 hộ) trong diện được xem xét giao đất mà không xây dựng phương án bồi thường giải phóng mặt bằng trình UBND huyện phê duyệt theo quy định. Sau khi xác định được nghĩa vụ tài chính và giá trị bồi thường, ông Đỗ Văn Đ đã chỉ đạo ông Đỗ Xuân H; ông Đỗ Quốc T, sinh năm 1979 ở khu 4, xã S-Bí thư đoàn thanh niên và bà Trương Thị Thu H, sinh năm 1983, ở Khu 2, xã S-Cán bộ kế toán, tiến hành thu tiền của 74 hộ dân nêu trên (Số tiền thu của mỗi hộ dân bao gồm tiền giải phóng mặt bằng và tiền nghĩa vụ tài chính). Ông H, ông T, ông T và bà H đều nhận thức UBND xã S là thành viên của Hội đồng bồi thường huyện T, không biết ông Đ có hành vi lạm quyền, không xây dựng phương án bồi thường giải phóng mặt bằng trình UBND huyện phê duyệt theo quy định, nên đã thực hiện theo chỉ đạo của ông Đ. Do vậy trong thời gian từ tháng 12/2012 đến tháng 12/2014, ông Đỗ Xuân H, Đỗ Quốc T và bà Trương Thị Thu H đã tiến hành thu tiền của 74 hộ dân với tổng số tiền là 2.908.346.300 đ (Hai tỷ chín trăm linh tám triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm đồng chẵn). Cụ thể:

* Năm 2013, thu của 67 hộ dân theo Quyết định giao đất số 2033/QĐ-UBND ngày 23/7/2013 tổng số tiền 2.488.383.000 đồng, trong đó:

Ông Đỗ Quốc T – Bí thư đoàn thanh niên trực tiếp thu số tiền là: 1.516.837.000 đồng; Bà Trương Thị Thu H - Kế toán thu số tiền 211.302.000 đồng; Ông Đỗ Xuân H – Kế toán thu số tiền 760.244.00 đồng.

Toàn bộ số tiền 2.488.383.000 đồng thu được, Đỗ Văn Đ chỉ đạo cán bộ cấp dưới thực hiện các khoản chi và sử dụng như sau:

+ Tự chi trả bồi thường (không có phương án được phê duyệt theo quy định) cho 120 hộ dân có diện tích đất bị thu hồi số tiền là 1.267.813.518 đồng.

+ Chi trả tiền lập bản đồ quy hoạch cho Công ty H số tiền là: 80.000.000 đồng

+ Nộp 10.000.000 đồng vào tài khoản KBNN huyện T để phân bổ vào Ngân sách địa phương;

+ Chi trả tiền thu vượt theo phương án cho 04 hộ dân số tiền: 12.636.400 đồng, cụ thể gồm:

Hoàn trả cho hộ ông Đỗ Chí C – sinh năm 1984, HKTT: Khu 9 xã S: 2.675.000đ;

Hoàn trả cho hộ ông Đỗ Văn C – sinh năm 1979, HKTT: Khu 9 xã S: 1.675.000 đồng;

Hoàn trả cho hộ ông Nguyễn T – sinh năm 1982, HKTT: Khu 4 xã S: 1.300.000 đồng;

Hoàn trả cho hộ ông Nguyễn Quang T – sinh năm 1987, HKTT: Khu 2 xã S: 6.986.400 đồng;

+ Chi trả lại tiền cho hộ nghèo nhà ông Đỗ Văn T - Sinh năm 1973. HKTT: Khu 3, xã S số tiền: 8.000.000 đồng.

+ Nộp tiền nghĩa vụ tài chính cho 66/67 hộ dân số tiền là: 1.109.467.750 đồng. Riêng hộ ông Đỗ Xuân T – Sinh năm 1985 ở khu 8, xã S mặc dù đã nộp số tiền 39.000.000 đồng nhưng do ông Đỗ Xuân H và ông Đỗ Quốc T sơ suất đã không kê tên của hộ ông T vào danh sách các hộ nộp tiền nghĩa vụ tài chính tại kho bạc nên hộ ông T chưa được xác nhận là đã thực hiện nghĩa vụ tài chính, do vậy chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Số tiền còn lại là 465.332 đồng, ông Đỗ Xuân H không giải trình được là đã chi hay sử dụng như thế nào.

Căn cứ Quyết định giao đất của UBND huyện T, Chi cục thuế huyện T xác định nghĩa vụ tài chính của 66 hộ dân phải nộp và đã phát hành biên lai thu tiền sử dụng đất, biên lai lệ phí trước bạ của 66 hộ dân là: 1.095.969.750 đồng.

Do đó, theo quy định của Pháp luật, để được giao đất thì 66 hộ dân trên chỉ phải nộp nghĩa vụ tài chính với tổng số tiền là: 1.095.969.750 đồng (Số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và các chi phí khác được quyết toán từ nguồn tiền nghĩa vụ tài chính) song ông Đỗ Văn Đ đã chỉ đạo cấp dưới thu vượt của 66 hộ dân số tiền là: **2.488.383.000 đồng - 39.000.000 đồng (thu trái quy định của ông Đỗ Xuân T) - 1.095.969.750 đồng = 1.353.413.250 đồng**. Tuy nhiên trong quá trình điều tra vụ án có 45/67 hộ dân và trong giai đoạn truy tố có 14/67 hộ dân tự nguyện ủng hộ toàn bộ số tiền mà UBND xã S đã thu vượt của các hộ này để thực hiện việc chi trả bồi thường cũng như chi các khoản chi như nêu trên và không có đề nghị, khiếu nại gì; Còn lại 08/67 hộ dân đề nghị được trả lại số tiền đã thu vượt là **181.873.000 đồng** và xử lý bị cáo Đích theo quy định của pháp luật.

Như vậy, hành vi của bị cáo Đỗ Văn Đ đã gây thiệt hại cho 08 hộ dân với tổng số tiền là: 181.873.000 đồng, cụ thể:

- Hộ anh Đỗ Xuân T - Sinh năm 1985, HKTT: Khu 8, xã S thiệt hại: 39.000.000 đồng;
- Hộ anh Đỗ Văn N - Sinh năm 1989, HKTT: Khu 4, xã S thiệt hại: 17.730.000 đồng;
- Hộ anh Đỗ Ngọc T - Sinh năm 1986, HKTT: Khu 4, xã S thiệt hại: 13.931.000 đồng;
- Hộ anh Đỗ Như Q - Sinh năm 1976, HKTT: Khu 7, xã S thiệt hại: 30.524.000 đồng;
- Hộ anh Đỗ Văn T - Sinh năm 1983, HKTT: Khu 3, xã S thiệt hại: 25.509.000 đồng;
- Hộ anh Đỗ Văn D - Sinh năm 1986, HKTT: Khu 3, xã S thiệt hại: 30.904.000 đồng;
- Hộ anh Đỗ Văn H - Sinh năm 1981, HKTT: Khu 4, xã S thiệt hại: 22.619.000 đồng;
- Hộ anh Đỗ Chí T - Sinh năm 1985, HKTT: Khu 6, xã S thiệt hại: 1.656.000 đồng;

* **Năm 2014:** Thu của 07 hộ dân theo các Quyết định giao đất số 2831, 2832, 2833, 2834, 2835, 2836, 2837 ngày 12/12/2014 với tổng số tiền là **419.963.300 đồng** trong đó:

- + Ông Đỗ Quốc T thực hiện thu số tiền 255.503.000 đồng;
- + Ông Đỗ Xuân H thực hiện thu số tiền 164.460.300 đồng.

- Toàn bộ số tiền **419.963.300 đồng** thu được, bị cáo Đỗ Văn Đ chỉ đạo cán bộ cấp dưới không nộp vào Ngân sách Nhà nước, không theo dõi, hạch toán trên sổ sách kế toán của UBND xã S mà sử dụng như sau:

+ Tự chi trả bồi thường (không có phương án được phê duyệt theo quy định) cho 12 hộ dân có diện tích đất bị thu hồi số tiền là: **162.980.400 đồng**.

+ Chi trả tiền hộ nghèo cho ông Đỗ Văn C số tiền: **16.500.000 đồng**;

+ Chi tiền làm đường dân sinh vào khu dân cư số tiền: **6.500.000 đồng**;

+ Ngày 30/12/2014, Đỗ Văn Đ đã chỉ đạo ông Đỗ Quốc T nộp tiền nghĩa vụ tài chính của 07 hộ dân số tiền là: **231.000.000 đồng**.

+ Trả lại số tiền **2.982.900 đồng** cho hộ nhà ông Nguyễn Trung K.

Căn cứ vào các quyết định giao đất số 2831, 2832, 2833, 2834, 2835, 2836, 2837 cùng ngày 12/12/2014 của UBND huyện T và thủ tục giấy tờ liên quan, Chi cục thuế huyện T xác định nghĩa vụ tài chính của 07 hộ dân phải nộp và đã phát hành các biên lai thu tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ của 07 hộ dân nêu trên với tổng số tiền là: **215.655.000 đồng**.

Do đó, theo quy định của Pháp luật, để được giao đất thì 07 hộ dân trên chỉ phải nộp nghĩa vụ tài chính với tổng số tiền là: **215.655.000 đồng** (Số tiền bồi thường GPMB và các chi phí khác được quyết toán từ nguồn tiền nghĩa vụ tài chính). Như vậy, ông Đ đã thu vượt của 07 hộ dân số tiền là: **419.963.300 đồng – 215.655.000 đồng = 204.308.300 đồng**. Tuy nhiên trong quá trình điều tra vụ án, có 03/07 hộ dân tự nguyện ủng hộ toàn bộ số tiền mà UBND xã S đã thu vượt của các hộ này để thực hiện việc chi trả bồi thường cũng như chi các khoản chi như nêu trên và không có đề nghị, khiếu nại gì; Còn lại 04/07 hộ dân đề nghị được trả lại số tiền đã bị thu vượt là **108.820.370 đồng** và đề nghị xử lý bị cáo Đích theo quy định của pháp luật. Như vậy, hành vi của bị cáo Đỗ Văn Đ đã gây thiệt hại cho 04 hộ dân tổng số tiền là: **108.820.370 đồng**, cụ thể:

- Hộ anh Đỗ Văn H - Sinh năm 1992, HKTT: Khu 3, xã S thiệt hại số tiền: 25.335.000 đồng;

- Hộ anh Nguyễn Văn C - Sinh năm 1973, HKTT: Khu 4, xã S thiệt hại số tiền: 25.338.000 đồng;

- Hộ anh Đỗ Văn T - Sinh năm 1992, HKTT: Khu 3, xã S thiệt hại số tiền: 31.835.000 đồng;

- Hộ anh Nguyễn Trung K - Sinh năm 1989, HKTT: Khu 4, xã S thiệt hại số tiền: 26.312.370 đồng;

Như vậy, hành vi của Đỗ Văn Đ đã gây thiệt hại cho 12 hộ dân tổng số tiền là **290.693.370 đồng**.

* Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ: Số tiền: 39.000.000 đồng của bị cáo Đỗ Văn Đ và 1.188.000 đồng của anh Đỗ Xuân H tự nguyện giao nộp.

Ngày 21/10/2022, bị cáo Đ đã tự nguyện tạm nộp số tiền 251.693.370đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba để bồi thường khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trình bày như sau:

- Bị cáo Đỗ Văn Đ trình bày, do chưa nhận thức đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình, nên trong giai đoạn 2013, 2014, bị cáo đã tự ý quyết định và chỉ đạo cấp dưới thực hiện việc thu, chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà không lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định dẫn đến thiệt hại cho 12 hộ dân với tổng số tiền như trên.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Đỗ Xuân T, Đỗ Văn N, Đỗ Ngọc T, Đỗ Như Q, Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Nguyễn Văn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Trung K đều trình bày việc trong quá trình đề nghị cấp đất ở có bị thiệt hại về số tiền như trên, đề nghị HĐXX xem xét buộc bị cáo Đích phải có nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho các gia đình bị thiệt hại đã đề nghị và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đích.

Tại Bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 12/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo về tội “ Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” quy định tại Điểm c Khoản 2 điều 357 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Đ phạm tội “ Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 357; Điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 điều 51; Khoản 1 Điều 54; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 2 Điều 47, Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Buộc bị cáo Đỗ Văn Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người sau: Anh Đỗ Xuân T: 39.000.000 đồng; Anh Đỗ Văn N: 17.730.000 đồng; Anh Đỗ Ngọc T: 13.931.000 đồng; Anh Đỗ Như Q: 30.524.000 đồng; Anh Đỗ Văn T: 25.509.000 đồng; Anh Đỗ Văn D: 30.904.000 đồng; Anh Đỗ Văn H: 22.619.000 đồng; Anh Đỗ Hữu T: 1.656.000 đồng; Anh Đỗ Văn H: 25.335.000 đồng; anh Nguyễn

Văn C: 25.338.000 đồng; Anh Đỗ Văn T: 31.835.000 đồng; Anh Nguyễn Trung K: 26.312.370 đồng;

Xác nhận bị cáo đã tạm nộp khoản tiền 290.693.370đ để thực hiện việc bồi thường, khắc phục hậu quả.

Trả lại cho anh Đỗ Xuân H số tiền đã tạm nộp là 1.188.000đ (Một triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn).

Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: bị cáo Đỗ Văn Đ đề nghị HĐXX xem xét áp dụng hình phạt nhẹ nhất bởi bị cáo thực hiện hành vi không có vụ lợi cá nhân, chỉ đơn giản vì mong muốn nhanh chóng giải quyết được thủ tục cấp đất cho nhân dân trong xã nhằm tạo lập uy tín trong công tác mà không xem xét đến chức năng nhiệm vụ quyền hạn của mình dẫn đến hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Ba, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, xét về hành vi của bị cáo Đỗ Văn Đ, HĐXX nhận thấy:

Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2014, Đỗ Văn Đích giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình thực hiện dự án giao đất cho nhân dân tự xây dựng nhà ở tại xã S của UBND huyện T, Đỗ Văn Đ đã ký và ban hành vượt thẩm quyền “Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng”; không lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định mà tự ý quyết định và chỉ đạo cấp dưới thực hiện việc

thu, chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng dẫn đến gây thiệt hại cho 12 hộ dân thuộc diện giao đất với tổng số tiền là 290.693.370đ.

Lời khai trình bày của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng; phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Bị cáo thực hiện hành vi vào năm 2013, 2014 khi Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, so với tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ quy định tại Điều 282 BLHS 1999 thì Điều 357 BLHS 2015 nhẹ hơn. Căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 9 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 30/6/2017 của Quốc hội về thi hành bộ luật hình sự 2015 và quy định tại Điều 156 BLHS, quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 04/2018- VKSND- BCA- BQP ngày 19/10/2018, quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thi hành một số quy định của BLTTHS. Do đó, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Đỗ Văn Đích phạm tội “lạm quyền trong khi thi hành công vụ” được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự;

+ Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quan hệ xã hội bảo đảm tính đúng đắn và có trật tự của hoạt động thực hiện công vụ được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, có điều kiện để nhận thức về pháp luật. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Đ là người có chức vụ quyền hạn, bị cáo phải nhận thức rõ những quy định về chức năng quyền hạn của mình được làm nhưng bị cáo đã không nhận thức đúng pháp luật, chỉ đạo cán bộ cấp dưới thực hiện việc lập và thu, chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà không trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định dẫn đến thiệt hại cho 12 hộ với số tiền là 290.693.370đ (Hai trăm chín mươi triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Tổng số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra là 39.000.000 đồng và nộp trong

giai đoạn truy tố là 251.693.370đ. Bộ đề của bị cáo là ông Đỗ Văn L là người có công với cách mạng; Bản thân bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong lao động, trong quá trình làm việc được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen, kỷ niệm chương. Ngoài ra, bị cáo có nhiều công lao đóng góp cho địa phương, gia đình bị cáo đã ủng hộ 01 vạn gạch để xây dựng nhà văn hóa khu 4 xã S; Hiến 50 m² đất vườn và 100m² tường rào để mở rộng đường giao thông liên xã; tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (gồm những người bị thiệt hại) đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, xét áp dụng hình phạt đối với bị cáo Đ dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, (áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 357 Bộ luật hình sự quy định “ Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ”. Xét thấy bị cáo hiện tại đều không còn giữ chức vụ công tác, có tài sản chung với gia đình, không có tài sản riêng gì lớn, vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với anh Trương Văn T, anh Đỗ Xuân H, chị Trương Thị Thu H, anh Đỗ Quốc T đều là cán bộ cấp dưới của bị cáo Đ làm việc tại UBND xã. Khi anh T, anh H, chị H, anh T thực hiện việc thu tiền, xây dựng phương án thu tiền, phương án đền bù giải phóng mặt bằng và thực hiện việc chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đều nhận thức UBND xã Sng là thành viên của Hội đồng bồi thường huyện Thanh Ba nên đã thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo Đ. Các cá nhân trên không cùng động cơ, mục đích với bị cáo Đ và không được hưởng lợi gì từ những công việc mình đã làm. Vì vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý hành vi trong vụ án là phù hợp.

[3] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Do bị cáo Đỗ Văn Đ tự nguyện thực hiện nộp đủ toàn bộ khoản tiền để khắc phục thiệt hại cho 12 hộ dân, không đề nghị anh H phải cùng có trách nhiệm bồi thường. Vì vậy, đối với số tiền 1.188.000đ anh Đỗ Xuân H đã tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự, xét trả lại cho anh H là phù hợp.

Bị cáo Đỗ Văn Đ đã tự nguyện nộp số tiền 290.693.370đ để bồi thường thiệt hại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cần được xác nhận.

[5] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 357; Điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 2 Điều 47, Điều 48; Khoản 1 Điều 54; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; Điểm a Khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Đ phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Văn Đ cho UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Đỗ Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho anh Đỗ Xuân H số tiền anh Huy đã tạm nộp là 1.188.000đ (Một triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn).

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Đỗ Văn Đ có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 290.693.370đ (Hai trăm chín mươi triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi đồng), cụ thể như sau:

- Anh Đỗ Xuân T số tiền 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng chẵn).

- Anh Đỗ Văn N số tiền 17.730.000đ (Mười bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng chẵn)

- Anh Đỗ Ngọc T số tiền 13.931.000đ (Mười ba triệu chín trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn).

- Anh Đỗ Như Q số tiền 30.524.000đ (Ba mươi triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng chẵn).
- Anh Đỗ Văn T số tiền 25.509.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm linh chín nghìn đồng chẵn).
- Anh Đỗ Văn D số tiền 30.904.000đ (Ba mươi triệu chín trăm linh tư nghìn đồng chẵn).
- Anh Đỗ Văn H số tiền 22.619.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng chẵn).
- Anh Đỗ Chí T số tiền 1.656.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng chẵn).
- Anh Đỗ Văn H số tiền 25.335.000đ (Hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn).
- Anh Nguyễn Văn C số tiền 25.338.000đ (Hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn).
- Anh Đỗ Văn T số tiền 31.835.000đ (Ba mươi một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn).
- Anh Nguyễn Trung K số tiền 26.312.370đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn ba trăm bảy mươi đồng chẵn).

Xác nhận bị cáo Đỗ Văn Đ đã tạm nộp số tiền bồi thường là 251.693.730đ (Hai trăm năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi đồng chẵn) theo biên lai thu tiền số AA/2020/0002756 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ và số tiền 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng chẵn) theo Quyết định về việc xử lý tiền trên tài khoản số 5923/QĐ-CAT-PC03 ngày 25/10/2022 của Công an tỉnh Phú Thọ (chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ). (Bị cáo Đích đã nộp đủ số tiền bồi thường).

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Đỗ Văn Đ bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đỗ Văn Đ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Loan

Nơi nhận:

- Bị cáo; Những người TGT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THA hình sự;
- Cơ quan THA dân sự h Thanh Ba;
- Công an huyện Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ, VP.

Hà Thanh Loan

